TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Thúc Lân

Ông Nguyễn Văn An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thanh Huyền là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Mỹ N – sinh năm: 1994

Trú tại: Số A – đường N – tổ dân phố B – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(bà N có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khen E – sinh năm: 1987

Trú tại: Số A – đường N – tổ dân phố B – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(ông E có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13 tháng 11 năm 2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Đinh Thị Mỹ N và ông Nguyễn Khen E tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau khoảng 01 năm. Sau đó bà N và ông E đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 26/7/2012 và có tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cãi vã, có nhiều lời lẽ xúc phạm đến nhau, nhiều lần dẫn đến xô xát, đánh nhau. Mặc dù bà N và ông E đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Đến đầu năm 2016, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà N và ông E đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bản thân bà N cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành ngược lại còn khiến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Đến nay mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình cảm gia đình không thể hàn gắn được, tình cảm của bà N với ông E đến nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N và ông E đã sống ly thân được một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai. Vì vậy bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khen E.

- Về con chung: Bà Đinh Thị Mỹ N và ông Nguyễn Khen E có 01 con chung là Nguyễn Anh Nh - sinh ngày 21/01/2013. Từ khi con chung sinh ra đều ở với bà N và ông E. Nhưng đến ngày 21/12/2017 thì ông E đã tự ý đưa con chung về nhà nội mà không thông báo gì cho bà N cụ thể đưa con chung về nhà bác ruột của cháu Nh tại tỉnh Sóc Trăng còn hiện nay bà N không biết con chung đang ở đâu. Hiện tại bà N đang làm công nhân tại Công ty Cổ phần Giầy T với mức lương hàng tháng trung bình từ 6.000.000đ (sáu triệu đồng) đến 7.000.000đ (bảy triệu đồng) có đủ điều kiện để nuôi con, nếu bà N được quyền nuôi con thì bà sẽ về thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng làm việc để thuận tiện cho việc chăm sóc con, vì vậy khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông Nguyễn Khen E cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Anh Nh hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung:Vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra bà Đinh Thị Mỹ N không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Khen E trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Khen E hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của bà Đinh Thị Mỹ N về việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Khen E và bà Đinh Thị Mỹ N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm

06 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông E và bà N có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, do làm ăn thất bại nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Ông E nghi ngờ bà N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Từ năm 2016 thì ông E và bà N đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì ông E và bà N mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay ông E xét thấy mâu thuẫn gia đình trầm trọng, tình cảm của ông E với bà N không còn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Khen E cũng đồng ý ly hôn với bà Đinh Thị Mỹ N.

- Về con chung: ông Nguyễn Khen E và bà Đinh Thị Mỹ N có 01 con chung là Nguyễn Anh Nh - sinh ngày 21/01/2013. Ngày 21/12/2017 ông đã đưa con chung về nhà nội vì lý do gia đình bà N không cho ông E đưa rước con chung đi học về nên ông E đã đưa con về nhờ anh trai là Nguyễn Văn T chăm sóc tại ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được khoảng 01 tháng sau đó ông E lại đưa con chung về nhờ bố mẹ đẻ ông E chăm sóc tại ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Hiện nay con chung đang ở với bố mẹ đẻ ông E tại địa chỉ trên, ông E không trực tiếp nuôi con chung vì ông E phải đi làm công trình xa. Hiện nay con chung không đi học mẫu giáo mà chỉ gửi ở điểm trông trẻ tư nhân vì không có giấy khai sinh. Hiện nay ông E đang làm thợ cơ khí tự do lắp ráp thiết bị chăn nuôi công trình tại huyện L – tỉnh Bình Phước. Mức lương trung bình hàng tháng của ông E là 9.000.000đ (chín triệu đồng) đủ điều kiện nuôi con. Nếu được giao con thì ông E sẽ về nhà bố mẹ đẻ phụ giúp công việc gia đình để có điều Kện chăm sóc con chung. Vì vậy khi ly hôn ông E yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ N thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N không yêu cầu ông Nguyễn Khen E phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Anh Nh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ N chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Khen E chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện Kểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đinh Thị Mỹ N, cho bà Đinh Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Khen E, về con chung giao cháu Nguyễn Anh Nh cho bà Đinh Thị Mỹ N nuôi dưỡng, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ N thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N không yêu cầu ông Nguyễn Khen E phải cấp dưỡng nuôi con chung

Nguyễn Anh Nh vì vậy đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung bà N và ông E không có tài sản chung nên đề nghị không xem xét, về công nợ chung bà N và ông E không có nợ chung nên đề nghị không xem xét. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

*Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ N cung cấp gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/7/2012 giữa ông Nguyễn Khen E và bà Đinh Thị Mỹ N (bản chính); 01 Sổ hộ khẩu của hộ ông Đinh Xuân V (Bản sao); 01 Giấy chứng minh nhân dân của bà Đinh Thị Mỹ N (Bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Anh Nh (Bản sao); 01 Hợp đồng lao đồng số 8312 ngày 25/12/2017 giữa công ty Cổ phần Giày T với bà Đinh Thị Mỹ N (Bản chính); 01 Đơn xin xác nhận ngày 22/01/2018 của bà Đinh Thị Mỹ N (Bản chính); 01 Đơn xin xác nhận ngày 24/01/2018 của bà Đinh Thị Mỹ N (Bản chính); 01 EMS dịch vụ chuyển phát nhanh (Bản chính).

- Tài liệu chứng cứ do bị đơn ông Nguyễn Khen E cung cấp: 01 Giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Khen E (Bản photo); 01 Đơn xin xác nhận ngày 16/01/2018 của ông Nguyễn Văn T (Bản chính).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 20/12/2017 của bà Đinh Thị Mỹ N, 01 bản tự khai ngày 16/01/2018 của bà Đinh Thị Mỹ N, 01 bản tự khai ngày 20/12/2017 của ông Nguyễn Khen E, 01 bản tự khai ngày 16/01/2018 của ông Nguyễn Khen E, 01 biên bản xác minh ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng tại Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Khen E, bị đơn có nơi cư trú tại số A – đường N – tổ dân phố B – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa Đinh Thị Mỹ N và ông Nguyễn Khen E là hôn nhân tự nguyện, bà N và ông E đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 26/7/2012 vì vậy quan hệ hôn nhân được xác lập giữa bà Đinh Thị Mỹ N và ông Nguyễn Khen E là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Nguyên nhân bà N yêu cầu ly hôn với ông E là do bà N và ông E tính tình không hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cãi vã và có nhiều lời lẽ xúc phạm đến nhau, nhiều lần dẫn đến xô xát, đánh nhau. Bà N và ông E đều xác nhận từ năm 2016 thì bà N và ông E đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng có cố gắng hàn gắn nhưng không được và còn khiến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, hiện tại vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, không ai còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Đến nay tình cảm của bà N với ông E không còn, tình cảm gia đình không thể hàn gắn được, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khen E. Ông Nguyễn Khen E cũng đồng ý ly hôn với bà Đinh Thị Mỹ N. Theo kết quả xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Khen E và bà Đinh Thị Mỹ N là có xảy ra. Hiện nay ông E và bà N đang sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà N và ông E đều xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà N và ông E đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, lời khai của bà N và ông E về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà N, ông E là đúng với thực tế về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Như vậy có thể thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông E là có xảy ra trên thực tế. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông E đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian dài, không ai còn quan tâm đến ai, không ai còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà Đinh Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Khen E là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Bà N và ông E có 01 con chung là Nguyễn Anh Nh, sinh ngày 21/01/2013 (thể hiện trong bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Anh Nh số 19, quyển số 01/2013 ngày 23/01/2013 do Ủy ban nhân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp có họ và tên cha là Nguyễn Khen E, họ và tên mẹ là Đinh Thị Mỹ N).

Bà N trình bày từ thời điểm con chung sinh ra thì con chung đều sống với bà N và ông E ở nhà bố mẹ bà N tại số A, đường N, tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian sinh sống tại đây cháu Nguyễn Anh Nh được gia đình chăm sóc tốt, được học tập và phát triển bình thường. Bà N có cung cấp cho Tòa án 01 đơn xin xác nhận của bà Đinh Thị Mỹ N có xác nhận của Trường mầm non H về việc cháu Nguyễn Anh Nh có đi học tại trường trong thời gian cháu Nh còn sinh sống với bà N. Ông E cũng xác nhận trước đây cháu Nguyễn Anh Nh sống với gia đình bà N. Ông E trình bày do gia đình bà N

không cho ông E đón cháu Nh từ trường học về nhà nên ông E đã đưa con về nhờ anh trai là Nguyễn Văn T chăm sóc tại ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được khoảng 01 tháng sau đó ông E lại đưa con chung về nhờ bố mẹ đẻ ông E chăm sóc tại ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Hiện nay con chung đang ở với bố mẹ đẻ ông E tại địa chỉ trên, ông E không trực tiếp nuôi con chung vì ông E phải đi làm công trình xa. Hiện nay con chung không đi học mẫu giáo mà chỉ gửi ở điểm trông trẻ tư nhân vì không có giấy khai sinh.

Việc ông E dẫn con chung về nhà nội mà không hỏi ý kiến của bà N cũng như gia đình bà N. Hiện nay bà N không biết con chung đang ở đâu. Tòa án cũng nhận được 01 đơn xin xác nhận của ông Nguyễn Văn T có xác nhận của trường mầm non V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng gửi qua đường bưu điện, nội dung đơn thể hiện ông Nguyễn Văn T là bác của cháu Nguyễn Anh Nh và hiện nay cháu Nguyễn Anh Nh đang học lớp chồi 3 trường mầm non V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Hiện tại bà N đã có công việc ổn định. Bà N hiện đang làm công nhân tại Công ty Cổ phần Giầy T với mức lương hàng tháng trung bình từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ. Bà N cũng đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng lao động và đơn xin xác nhận công việc và tiền lương tại công ty nói trên. Còn ông E cũng trình bày hiện nay ông E đang làm thợ cơ khí tự do lắp ráp thiết bị chăn nuôi công trình tại huyện L – tỉnh Bình Phước. Mức lương trung bình hàng tháng của ông E là 9.000.000đ (chín triệu đồng) đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên ông E không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông E đang làm công việc và có mức lương như trên.

Như vậy có thể thấy rằng, cháu Nguyễn Anh Nh đã sinh sống tại số A, đường N, tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trong một thời gian dài và đã có môi trường sống ổn định, trong thời gian sinh sống tại đây cháu Nguyễn Anh Nh được chăm sóc tốt, được học tập và phát triển bình thường. Việc ông E tự ý đưa con chung về nhà nội khi con chung vừa tan học về và không thông báo gì cho bà N đã khiến cho môi trường sống của con chung bị thay đổi một cách đột ngột làm gián đoạn việc học tập và ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt cũng như tâm lý của con chung, mặt khác đã làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người mẹ là bà N đối với con chung. Ngoài ra, theo trình bày của ông E thì ông E làm thợ cơ khí tự do làm việc tại huyện L, tỉnh Bình Phước nên khi ông E đưa con về nhà nội thì ông E không trực tiếp chăm sóc cho con chung trong khi con chung vừa được đưa vào một môi trường sống mới, người trực tiếp chăm sóc con chung lúc đầu là anh trai ông E sau đó lại là bố mẹ ông E. Từ đó có thể thấy rằng ông E làm công việc tự do không ổn định, không đủ thời gian chăm sóc con chung và thực tế đã không thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đối với con chung như vậy quyền lợi về mọi mặt của con chung đã không được đảm bảo. Khi ly hôn bà N và ông E đều yêu cầu được nuôi con, bà N có chỗ ở hợp pháp và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con còn ông E không có chỗ ở và thu nhập ổn định, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung thì căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét

thấy cần giao con chung Nguyễn Anh Nh, sinh ngày 21/01/2013 cho bà Đinh Thị Mỹ N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế nên không chấp nhận giao con chung Nguyễn Anh Nh, sinh ngày 21/01/2013 cho ông Nguyễn Khen E nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà N yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Anh Nh, sinh ngày 21/01/2013 hàng tháng mỗi tháng 1.000.0000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên. Ông Nguyễn Khen E không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Anh Nh. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ N thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N không yêu cầu ông Nguyễn Khen E phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Anh Nh vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà N và ông E đều xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà N và ông E đều xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Đinh Thị Mỹ N khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Mỹ N đối với ông Nguyễn Khen E về tranh chấp ly hôn.

Cho ly hôn giữa bà Đinh Thị Mỹ N và ông Nguyễn Khen E.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh Nh - sinh ngày 21/01/2013 cho bà Đinh Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Khen E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Đinh Thị Mỹ N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007593 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Đinh Thị Mỹ N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 28/3/2018) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Đinh Xuân Trường